

CHÍNH PHỦ

Số: /2016/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

2. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật về đo lường trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm).

2. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định (sau đây viết tắt là tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định).

3. Cơ quan nhà nước về đo lường.

4. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động

kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM

Điều 3. Điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Có đủ chuẩn đo lường, phương tiện thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. Các chuẩn đo lường và phương tiện đo này phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn, thử nghiệm có lĩnh vực hoạt động phù hợp và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định của người đứng đầu tổ chức; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị.

3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực hoạt động do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành hoặc do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự xây dựng, ban hành.

Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự xây dựng, ban hành phải phù hợp với: Khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML), tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC), tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), tiêu chuẩn của nước ngoài, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tài liệu của nhà sản xuất có liên quan.

4. Có ít nhất hai (02) nhân viên kỹ thuật cho mỗi lĩnh vực hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Là viên chức hoặc lao động hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên;

b) Tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành kỹ thuật hoặc tương đương trở lên;

c) Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực hoạt động và phù hợp với hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền.

5. Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây:

a) Công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng;

b) Người đứng đầu tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử

nghiệm chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện; không chịu bất kỳ tác động nào và không bị ràng buộc bởi các yếu tố khác làm thay đổi kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm này;

c) Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và bảo đảm tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện; không chịu bất kỳ tác động nào và không bị ràng buộc bởi các yếu tố khác làm thay đổi kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện.

6. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Có văn bản của người đứng đầu tổ chức quy định: quản lý chứng chỉ (tem, dấu, giấy chứng nhận) kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ (niêm phong, kẹp chì...) phải thực hiện khi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng

7. Có giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận đăng ký) theo quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định

1. Đáp ứng điều kiện hoạt động quy định tại các Khoản 1, 2, 4, 5, 6 và 7 Điều 3 của Nghị định này.

2. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực hoạt động được chỉ định phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Đo lường.

3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực hoạt động được chỉ định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành.

4. Có ít nhất hai (2) nhân viên kiểm định được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường cho mỗi lĩnh vực hoạt động kiểm định phương tiện đo nhóm 2 được chỉ định.

5. Bảo đảm tính độc lập, khách quan. Trường hợp là cơ sở trực tiếp kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng thông qua sử dụng phương tiện đo nhóm 2 thì không được chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2 đó. Trường hợp là cơ sở sản xuất phương tiện đo nhóm 2 thì không được chỉ định

kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa phương tiện đo nhóm 2 đó.

6. Được chỉ định theo quy định tại Điều 25 của Luật Đo lường.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là hồ sơ đăng ký) gồm:

1. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu 1.ĐKCCDV tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu 2.BCCSVC tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

4. Danh mục hồ sơ của hệ thống quản lý đã thiết lập và duy trì đối với lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký thực hiện.

5. Văn bản quy định về quản lý chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm gồm các nội dung chính sau: nội dung, hình thức của chứng chỉ; việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ; kích thước và vị trí thể hiện số đăng ký (ĐK ...) trên chứng chỉ để bảo đảm nhận biết dễ dàng bằng mắt thường; văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện đo để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; văn bản quy định biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ (niêm phong, kẹp chì...) phải thực hiện khi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

Điều 6. Cấp giấy chứng nhận đăng ký

1. Tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là tổ chức đăng ký) lập một (01) bộ hồ sơ đăng ký gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu 3.GCNĐK tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới tổ chức đăng ký, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi đăng ký trụ sở chính của tổ chức đăng ký và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

3. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, trong thời hạn năm

(5) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo cho tổ chức đăng ký về việc từ chối xử lý hồ sơ hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp có thông tin, phản ánh hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra phát hiện một hoặc các điều kiện hoạt động của tổ chức đăng ký là không phù hợp quy định hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức đánh giá tại cơ sở và cấp giấy chứng nhận đăng ký cho tổ chức đăng ký theo quy định tại Khoản 2 Điều này; trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký và nêu rõ lý do.

Điều 7. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký

Giấy chứng nhận đăng ký được xem xét, cấp lại trong các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục được sử dụng, trình tự cấp lại được thực hiện như sau:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường.

Hồ sơ gồm: công văn của tổ chức cung cấp dịch vụ nêu rõ lý do đề nghị cấp lại; giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (đối với trường hợp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị hư hỏng);

b) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Nghị định này.

2. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp, trình tự cấp lại được thực hiện như sau:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Hồ sơ gồm: đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu 1.ĐKCCDV tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); tài liệu, giấy tờ có liên quan đến nội dung điều chỉnh;

b) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện trình tự cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này.

3. Trường hợp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định này và tổ chức cung cấp dịch

vụ đã hoàn thành các biện pháp khắc phục:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Hồ sơ gồm: công văn đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã cấp; tài liệu, giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục nguyên nhân có liên quan;

b) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện trình tự cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này.

Điều 8. Chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký

Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp không còn hiệu lực khi có quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký thực hiện như sau:

1. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không duy trì đúng điều kiện hoạt động quy định tại Điều 3 hoặc không hoàn thành nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 9; nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không hoàn thành nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, ra quyết định chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký đã cấp (sau đây viết tắt là quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký).

2. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký theo kết luận cơ quan thanh tra hoặc bị đình chỉ hoạt động theo quyết định của tòa án, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ra quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký căn cứ kết luận của cơ quan thanh tra hoặc quyết định của tòa án.

3. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bị phá sản hoặc giải thể, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ra quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký căn cứ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.

4. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký, trình tự chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký thực hiện như sau:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính văn bản đề nghị kèm theo giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử

của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ra quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký.

5. Quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký được gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (trừ trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bị phá sản hoặc giải thể), Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký trụ sở chính và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có các quyền sau đây:

a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong phạm vi lĩnh vực đã được chứng nhận đăng ký;

b) Khiếu nại, khởi kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính của cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của mình theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ và duy trì các điều kiện hoạt động quy định tại Điều 3 của Nghị định này;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

c) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về: duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; biện pháp (niêm phong, kẹp chì...) phải thực hiện khi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;

d) Chấp hành quy định về giá dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

và việc niêm yết công khai giá dịch vụ;

đ) Chỉ được tiến hành kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký và chỉ nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của tổ chức mới được phép thực hiện hoạt động này;

e) Lưu giữ hồ sơ, tài liệu về việc tổ chức thực hiện và duy trì điều kiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã đăng ký theo quy định tại Nghị định này;

g) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 3 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu 4.BCHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) gửi về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

i) Thực hiện quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có các quyền sau đây:

a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo phân công trong lĩnh vực hoạt động đã chứng nhận đăng ký của tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và phù hợp với lĩnh vực đã được đào tạo;

b) Khiếu nại, khởi kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính của cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của mình theo quy định của pháp luật.

2. Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Không chịu sự can thiệp dưới mọi hình thức đối với việc thực hiện và kết quả hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

b) Thực hiện các biện pháp theo quy định để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;

c) Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về đo lường phải báo ngay với người đứng đầu tổ chức để phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định khác về đo lường.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có

các quyền sau đây:

a) Lựa chọn tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp để thực hiện việc kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, yêu cầu về đo lường đối với chuẩn đo lường;

b) Khiếu nại kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; khởi kiện hành vi vi phạm hợp đồng của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

c) Khiếu nại, khởi kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính của cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm các điều kiện vận chuyển, bảo quản, yêu cầu sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường theo hướng dẫn của cơ sở sản xuất, nhập khẩu;

b) Không được tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên phương tiện đo, chuẩn đo lường;

c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Trả chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này trên phạm vi cả nước.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện việc cấp, cấp lại, chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này;

b) Hướng dẫn việc đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; việc xây dựng, ban hành quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

c) Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật về đo lường trên phạm vi cả nước;

d) Thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Nghị định này của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý, tổng hợp tình hình

thực hiện Nghị định này báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ để báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên khi được yêu cầu.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công.

Điều 13. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này trong phạm vi địa phương.

Sở khoa học và Công nghệ trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức thực hiện Nghị định này.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Kiểm tra nhà nước về đo lường (kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất) đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về đo lường.

2. Tuyên truyền, phổ biến quy định tại Nghị định này cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường trên địa bàn địa phương theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nghị định này bãi bỏ:

a) Điểm b Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

b) Nghị định số 134/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định về đơn vị đo lường chính thức.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được chứng nhận đăng ký theo quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và

Công nghệ quy định về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được tiếp tục thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động được chứng nhận và theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Noi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (...b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục
CÁC MẪU BIỂU
*(Ban hành kèm theo Nghị định số ... /2016/NĐ-CP
ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ)*

1. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Mẫu 1.ĐKCCDV
... /2016/NĐ-CP

2. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực

Mẫu 2.BCCSVC
.. /2016/NĐ-CP

3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Mẫu3.GCNĐK
... /2016/NĐ-CP

4. Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Mẫu 4.BCHĐ
... /2016/NĐ-CP

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng năm 20....

**ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ
KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM
PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tổ chức đăng ký:(tên tổ chức).....

Địa chỉ trụ sở chính (¹):

Điện thoại:; Fax:; Email:

2. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực hoạt động sau đây:

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ (²)	Ghi chú (³)

3. Địa điểm thực hiện (⁴):

Điện thoại:; Fax:; Email:

4. (Tên tổ chức đăng ký) xin cam kết tuân thủ đúng trách nhiệm quy định tại Điều 10 Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày / /2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Kính đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐÚNG ĐÀU TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(¹): Ghi rõ theo quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

(²): Ghi rõ tên dịch vụ (kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) đăng ký.

(³): Trường hợp đăng ký điều chỉnh lĩnh vực hoạt động: Ghi rõ "Bổ sung" hoặc "Thu hẹp".

(⁴): Trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, fax, email của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm không cố định thì ghi "tại hiện trường"; trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm cố định và không cố định thì kết hợp ghi cả hai.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng năm 20....

BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, NHÂN LỰC

1. Danh mục quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm công bố áp dụng

TT	Tên quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Số, ký hiệu	Năm ban hành	Cơ quan, tổ chức ban hành ⁽¹⁾	Lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

⁽¹⁾: Trường hợp tổ chức đăng ký tự xây dựng, ban hành quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm: Khi đăng ký lần đầu hoặc bổ sung lĩnh vực hoạt động, phải nộp bản sao quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng và hồ sơ xây dựng, ban hành quy trình này.

2. Danh sách chuẩn đo lường và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

TT	Tên chuẩn đo lường và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Nước sản xuất	Số sản xuất	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Nơi KD, HC, TN	Thời hạn giá trị đến	Quy trình áp dụng

3. Mật bằng làm việc và điều kiện môi trường:

Tổng diện tích dùng cho việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

Điều kiện môi trường: (nhiệt độ, độ ẩm, áp suất.....)

Các điều kiện khác: (điều kiện về điện áp, tần số nguồn điện, về chống rung động, chống ảnh hưởng của nhiễu điện từ trường....)

4. Danh sách nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

- Tên bộ phận trực tiếp kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

- Điện thoại :; Fax :

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ học vấn	Loại hợp đồng lao động đã ký	Kinh nghiệm công tác	Chứng chỉ đào tạo kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Tổ chức đào tạo	Lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu

						nghiệm		chuẩn, thử nghiệm

Hồ sơ kèm theo:

1. Bản sao giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của chuẩn đo lường và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.
2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.
3. Sơ đồ mặt bằng làm việc.

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :.....

..., ngày... tháng năm 20...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ
KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO,
CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường;

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:.....

Đã đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực hoạt động sau đây:

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú

Địa điểm hoạt động:

2. Số đăng ký:

3. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp lần: (đầu, thứ hai...)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức;
- Chi cục TCĐLCL (nơi tổ chức đăng ký trụ sở chính);
- Lưu: VT,... (đơn vị soạn thảo).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng năm 20...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM**

(Thời gian kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm từ ngày..... đến ngày.....)

Kính gửi:

- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố.....

- Tên tổ chức lập báo cáo:(tên tổ chức).....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax: Email:
- Địa điểm thực hiện hoạt động:
- Điện thoại:Fax: Email:

Giấy chứng nhận đăng ký số :.....

Ngày cấp: Ngày hết hạn (nếu có):.....

1. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường:

1.1. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường:

STT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường ⁽¹⁾	Số lượng		Ghi chú
		Đã kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Đạt yêu cầu	
1.	Kiểm định			
2.	Hiệu chuẩn			
3.	Thử nghiệm			

1.2 Biên bản kiểm tra, thanh tra trong thời hạn báo cáo (nếu có):
.....

2. Quản lý chuẩn đo lường và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

2.1. Danh sách các chuẩn đo lường và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đang sử dụng để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

STT	Tên chuẩn và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Nước sản xuất	Số sản xuất	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Nơi kiểm định, hiệu chuẩn	Thời hạn có giá trị (đến)

2.2. Danh sách các chuẩn và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hiện không còn sử dụng để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

STT	Tên chuẩn và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Nước sản xuất	Số sản xuất	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Ghi chú

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường:

.....

3. Quản lý nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

3.1. Danh sách các nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đang tham gia hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Ghi chú

3.2. Danh sách các nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không còn tham gia hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú

3.3. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định về nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

4. Thực hiện quy định về chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

4.1. Tình hình quản lý, sử dụng:

STT	Tên chứng chỉ	Tổng số chế tạo	Số lượng đã sử dụng	Số lượng hư hỏng	Số lượng tồn kho	Ghi chú
1	Tem					
2	Dấu					
3	Giấy chứng nhận					

4.2. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

5. Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có):

.....

6. Kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

¹): Báo cáo cụ thể từng loại phương tiện đo, chuẩn đo lường